

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/DS-PT

Ngày 27/11/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga;

Các Thẩm phán: Ông Trương Quốc Văn;
Bà Lê Thu Hương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/DSPT ngày 05/10/2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2018/QĐXXPT-DS ngày 29/10/ 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Minh T - Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Cẩm Thị H – sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/04/2018 và tại bản tự khai ngày 22/5/2018, chị Nguyễn Thị K trình bày:

Năm 2016 anh Lê Minh T có nhờ chị vay giúp một khoản tiền lớn để mua máy gặt đập liên hợp, hạn 01 tháng sau sẽ trả, nhưng anh T không trả đúng hạn. Vì vậy, ngày 31/11/2016 anh T tự lập văn bản chốt công nợ với chị K. Nội dung ghi nhận tổng số tiền anh T còn nợ chị K là 324.120.000đ (Ba trăm hai mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 252.000.000đ, lãi là 72.120.000đ (được tính từ khoảng tháng 01/2016 đến thời điểm lập văn bản chốt nợ 31/11/2016), số lãi này chị K phải trả cho người khác khi đi vay giúp anh T. Anh T hạn bằng miệng đến tháng 5/2017 sẽ thanh toán nợ, nhưng đã gần một năm nay anh T không thực hiện đúng lời hứa, khi đòi nợ anh T và vợ là chị H khất lần, không thanh toán nợ đúng thời hạn cho chị. Khi vay nợ chị cho cả hai vợ chồng anh T vay nợ.

Nay chị yêu cầu anh Lê Minh T, chị Cẩm Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ 324.120.000đ (ba trăm hai mươi triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng) theo văn bản chốt nợ ngày 31/11/2016 cho chị. Tại biên bản hòa giải ngày 20/07/2018 chị K xin rút một phần yêu cầu trả lãi của anh T, chị H. Nay chị K chỉ yêu cầu anh T, chị H phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc là 252.000.000đ và tiền lãi là 50.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Minh T trình bày: Thống nhất với chị Nguyễn Thị K về thời điểm vay nợ năm 2016, số nợ gốc vay là 252.000.000đ, mục đích anh vay nợ để mua máy gặt đập liên hợp phục vụ sản xuất phát triển kinh tế gia đình nhưng do làm ăn thua lỗ nên anh đã bán máy gặt, nay anh không còn máy để sản xuất. Khi anh vay số tiền trên thì vợ anh là chị H không biết anh vay của chị K. Tổng số nợ anh vay là 324.120.000đ (Ba trăm hai mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 252.000.000đ, lãi là 72.120.000đ (được tính từ khoảng tháng 01/2016 đến thời điểm lập văn bản chốt nợ). Nay anh T đề nghị chị K cho anh trả dần làm từng đợt, mỗi đợt 03 tháng trả là 10.000.000đ. Mỗi năm làm 04 đợt. Ngày 20/07/2018 chị K rút một phần yêu cầu trả lãi của anh, anh đồng ý và sẽ có trách nhiệm trả cho chị K số tiền nợ là 302.000.000đ (ba trăm lẻ hai triệu đồng), trong đó tiền gốc là 252.000.000đ và tiền lãi là 50.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị Cẩm Thị H trình bày: Chị và anh Lê Minh T là hai vợ chồng, kết hôn với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có mua máy gặt đập liên hợp phục vụ bà con trong xã và các xã lân cận, chị không trực tiếp đi mua máy gặt, làm ăn kinh tế thế nào là do anh T quyết định. Năm 2016 anh T có vay nợ chị K là đúng, vay làm gì, vay bao nhiêu tiền chị hoàn toàn không biết nhưng đến khi chị K đến nhà đòi nợ chị mới biết và xin khất nợ chị K cho anh chị trả dần nhưng chị K không đồng ý, yêu cầu vợ chồng chị phải trả một lần. Nay chị K yêu cầu vợ chồng chị trả số nợ là 302.000.000đ (ba trăm lẻ hai triệu đồng) trong đó tiền gốc là 252.000.000đ và tiền lãi là 50.000.000đ chị không đồng ý trả cùng anh T, số tiền trên anh T vay anh T tự trả chị không có trách nhiệm.

Tại bản án dân sự số 08/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, 35,39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 280,463,466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 476 BLDS năm 2005. Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình. Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K. Buộc anh Lê Minh T và chị Cẩm Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị K số tiền 302.000.000đ (ba trăm lẻ hai triệu đồng) trong đó tiền gốc là 252.000.000đ và tiền lãi là 50.000.000đ (tiền lãi tính từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 08 năm 2018).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp anh T chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi án xử sơ thẩm, ngày 07/9/2018, anh Lê Minh T kháng cáo với nội dung: Anh là bị đơn nên không phải chịu tiền án phí sơ thẩm 15.100.000đ. Đề nghị xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T xin được miễn án phí, vì anh là con liệt sĩ, anh T xuất trình xác nhận của chính quyền địa phương và Bằng tổ quốc ghi công bố anh là liệt sĩ Lê Văn công.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh Lê Minh T, sửa án sơ thẩm, miễn án phí sơ thẩm cho anh T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Nguyễn Thị K căn cứ vào giấy chốt nợ của anh Lê Minh T tự viết ngày 31/11/2016 (Bút lục 03) , với nội dung ghi nhận tổng số tiền anh T còn nợ chị K là 324.120.000đ, trong đó nợ gốc là 252.000.000đ, lãi là 72.120.000đ để khởi kiện đòi nợ anh T. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi, nay chị yêu cầu tính tiền lãi là 50.000.000đ và tiền gốc là 252.000.000đ. Án sơ thẩm buộc anh T và chị H liên đới trả nợ cho chị K và buộc anh T là bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự có giá ngạch 15.100.000đ là đúng quy định của pháp luật. Anh T không kháng cáo về nghĩa vụ trả nợ mà chỉ kháng cáo về nghĩa vụ nộp án phí.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T xin được miễn án phí, anh đã xuất trình xác nhận của chính quyền địa phương và Bằng tổ quốc ghi công bố anh là liệt sĩ Lê Văn công. Vì vậy, cần căn cứ quy định của pháp luật để miễn án phí cho anh T là phù hợp pháp luật.

[3] Anh Lê Minh T không phải nộp tiền án phí phúc thẩm, vì án được cải sửa, anh T được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 28 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Minh T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa về án phí như sau:

Anh T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Minh T không phải nộp, anh T được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 1470 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- TANDH huyện Thiệu Hóa;
- Chi cục THA huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga